TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2019/DS-PT
Ngày: 17-5-2019
V/v T/c HĐ vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thu

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Tuyến, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2019/TLPT-DS ngày 20 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DSST ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 110/2019/QĐ-PT ngày 17 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Trang Văn T (tên gọi khác là Trang Thanh T), sinh năm 1942;

2. Bà Trang Anh Đ, sinh năm 1971;

3. Bà Trang Anh X, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: Số 20/3, Đường N, Phường 12, Quận X, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của các nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 49/25, Đường C, Khu phố B, Phường Y, thành phố T, tỉnh L.

Theo văn bản ủy quyền ngày 16/7/2018 tại Ủy ban nhân dân Phường X, thành phố T, tỉnh L.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 209/17, Khu phố T, Phường Z, thành phố T, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn: Bà Trần Thị Hồng X, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số 102 KA, Ấp V, xã B, huyện T, tỉnh L.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lương Thế K, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số 209/17, Khu phố T, Phường Z, thành phố T, tỉnh L.

- *Người làm chứng:* Anh Hà Song H, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số 79, đường M, khu phố T, Phường Z, thành phố T, tỉnh L.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Thị H.

(Bà T xin vắng mặt, bà X có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/7/2018 của các nguyên đơn Trang Văn T, Trang Anh Đ, Trang Anh X và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Phương T trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, thể hiện như sau:

Vào ngày 02/8/2017, bà Lê Thị R (tên gọi khác là Lê Thị N, là vợ của ông Trang Văn T, là mẹ của bà Trang Anh Đ, bà Trang Anh X) có cho bà Nguyễn Thị H vay số tiền 500.000.000đ có làm biên nhận tiền (trong biên nhận tiền sử dụng tên Lê Thị N), có chữ ký của bà H, hai bên thỏa thuận bằng miệng lãi suất 2%/tháng và thỏa thuận khi nào bà Lê Thị R (Lê Thị N) cần tiền thì báo trước cho bà H 30 ngày thì bà H sẽ trả lại toàn bộ số tiền vay. Tuy nhiên, đến ngày 14/5/2018 thì bà Lê Thị R (Lê Thị N) đã chết. Bà Lê Thị R (Lê Thị N) không để lại di chúc và các nguyên đơn là chồng, là con thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Lê Thị R (Lê Thị N), cha mẹ bà Lê Thị R (Lê Thị N) đã chết, ngoài các nguyên đơn không còn người thừa kế nào khác của bà Lê Thị R (Lê Thị N). Sau khi bà Lê Thị R (Lê Thị N) chết thì các nguyên đơn thường xuyên liên lạc yêu cầu bà H hoàn số trả tiền vay còn nợ nhưng bà H vẫn cố tình không hoàn trả số tiền vay 500.000.000đ cho các nguyên đơn. Nay ông Trang Văn T, bà Trang Anh Đ và bà Trang Anh X yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H hoàn trả số tiền vay còn nợ là 500.000.000đ, không yêu cầu bà H trả lãi suất của số tiền vốn vay 500.000.000đ.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị Hồng X là đại diện theo ủy quyền bị đơn Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H hoàn toàn không biết bà Lê Thị R là ai và bà H không có vay tiền của bà Lê Thị R. Bà H chỉ có vay tiền của bà Lê Thị N sinh năm 1946, địa chỉ: số 20/3, đường N, Phường 12, Quận X, Thành phố H vào ngày 02/8/2017 với số tiền 500.000.000đ để làm vốn kinh doanh và hàng tháng bà H có trả tiền lãi cho bà N số tiền 10.000.000đ để bà N trị bệnh. Bà N có viết giấy "biên nhận mượn tiền" và đưa cho bà H ký tên. Hàng tháng bà H có trả tiền lãi cho bà N thông qua tài khoản của bà N tại Ngân hàng SCB – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 17/03/2018 bà H đưa tiền cho ông Lương Thế K là cháu ruột của bà N để trả cho bà N số tiền 400.000.000đ. Ông K đi trả tiền, bà H có kêu anh Hà Song H, sinh năm 1989; địa chỉ số 79, đường M, khu phố T, Phường Z, Thành phố T, tỉnh L là cháu ở

gần nhà bà H đi cùng ông K lên trả tiền cho bà N. Việc trả tiền có cháu Hà Song H chứng kiến.

Nay ông Trang Văn T, bà Trang Anh Đ, bà Trang Anh X khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H hoàn trả số tiền vay còn nợ là 500.000.000đ, bà H không đồng ý theo yêu cầu của các nguyên đơn. Bà H thừa nhận có vay tiền của bà Lê Thị N và chỉ còn nợ bà Lê Thị N số tiền 100.000.000đ và tiền lãi từ tháng 05/2018 cho đến nay chưa trả. Bà H chỉ đồng ý trả cho bà N số tiền vay còn nợ là 100.000.000đ.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lương Thế K trình bày:

Ông K là cháu ruột cùa bà Lê Thị N, gọi bà N là dì năm. Từ tháng 9/2017 cho đến tháng 4/2018, bà H có kêu ông K nhiều lần đến Ngân hàng SCB – Chi nhánh chi nhánh Long An để gửi trả tiền lãi hàng tháng cho bà Lê Thị N thông qua tài khoản của bà N tại Ngân hàng SCB – Chi nhánh chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 10.000.000đ. Đến ngày 17/03/2018 bà H đưa số tiền 400.000.000đ cho ông K để trả cho bà N. Bà H có kêu cháu Hà Song H đi cùng ông K lên nhà bà N để trả cho bà N. Việc trả tiền cho bà N có cháu Hà Song H chứng kiến, khi trả tiền ông K có nói "con gửi trả trước cho dì bốn trăm triệu, còn lại một trăm triệu khi nào gôm đủ con gửi trả cho dì sau", bà N đồng ý và nói thôi được rồi. Sau đó, bà N đóng cửa rào lại và cầm gói tiền đi vô nhà. Nay ông K xác định, ông K đã cầm tiền trả cho bà N 01 lần với số tiền là 400.000.000đ còn khoản tiền lãi hàng tháng ông K trả cho bà N thông qua tài khoản của bà Lê Thị N tại Ngân hàng SCB – Chi nhánh tỉnh Long An.

Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải tranh chấp giữa các bên nhưng kết quả không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DSST ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An đã quyết định:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số 326/2016/PUBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông bà Trang Văn T, Trang Anh Đ, Trang Anh X.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải hoàn trả cho các ông bà Trang Văn T, Trang Anh Đ, Trang Anh X số tiền vốn vay là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày các ông bà Trang Văn T, Trang Anh Đ, Trang Anh X có đơn yêu cầu thi hành án, bà H chưa hoàn trả số tiền trên cho các ông bà Trang Văn T, Trang Anh Đ, Trang Anh X thì bà H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án đối với các đương sự.

Ngày 31/01/2019, bị đơn Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm vì trong số tiền 500.000.000đ bà vay của bà Lê Thị N thì bà đã trả hết 400.000.000đ, chỉ còn nợ 100.000.000đ, đề nghị xem xét bà Lê Thị R có phải là bà Lê Thị N mà bà đã mượn tiền không?

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của các nguyên đơn vắng mặt. Bà Trần Thị Hồng X là đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lương Thế K xác định ông có đưa gói tiền 400.000.000đ cho bà N ngay cửa nhà bà N tại Số 20/3, Đường N, Phường 12, Quận X, Thành phố H. Việc giao tiền không có làm giấy tờ gì nhưng có sự chứng kiến của anh Hà Song H.

Anh Hà Song H xác định anh có đi với ông K đến nhà bà N, có thấy ông K đưa 01 gói đồ cho bà N. Anh không trực tiếp thấy ông K giao số tiền 400.000.000đ cho bà N mà chỉ nghe qua lời nói của ông K.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ các nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ như Giấy chứng minh nhân dân số 020006333 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/10/2006 cho bà Lê Thị R (bút lục 12), Bản sao Giấy khai sinh của Trang Anh Đ, Trang Anh X do Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H chứng thực ngày 25/01/1988…., đã chứng minh tên gọi Lê Thị R và tên gọi Lê Thị N là cùng một người, có số CMND là 020006333, có địa chỉ cư trú là số 20/3 Nguyễn Trường Tộ, P12, Quận X, TP. H. Bị đơn Nguyễn Thị H kháng cáo cho rằng bà Lê Thị N và bà Lê Thị R là hai người khác nhau nhưng không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Bà H cũng cho rằng đã gởi số tiền 400.000.000đ cho ông Lương Thế K để trả cho bà Lê Thị N nhưng cũng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh đã trả số tiền 400.000.000đ cho bà Lê Thị N. Do đó, bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị H được thực hiện đúng thời hạn thủ tục luật định, nên vụ án được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị Phương T là đại diện hợp pháp theo ủy quyền của các nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung vụ án: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, thấy rằng: "Biên nhận mượn tiền" ngày 02/8/2017 thể hiện nội dung: *"Tôi tên Nguyễn Thị H sinh năm 1974 hiện ngụ tại 209/17 khu phố T Thành phố T, Tỉnh L, chứng minh nhân dân số 301454736. Cấp ngày 12/12/2012 tại Công an Long An, có mượn của dì năm, Lê Thị*

N sinh năm 1946, ngụ tại 20/3 Nguyễn Trường Tộ P12 Quận X TP.H, số tiền là 500.000.000 (năm trăm triệu đồng chẵn) để làm vốn kinh doanh, hàng tháng tôi có trách nhiệm giữi lãi cho dì 10.000.000 để trị bệnh. Nếu khi dì cần rút vốn lại phải báo trước 30 ngày, tôi sẽ hoàn trả lại vốn cho dì."

Ngày 02-8-2017

Người mượn ký nhận

(chữ ký)

Nguyễn Thị H

[3] Căn cứ nội dung các tài liệu là: Giấy chứng minh nhân dân số 020006333 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/10/2006 cho bà Lê Thị R (bút lục 12) thể hiện bà R còn có tên gọi khác là Lê Thị N, sinh ngày 18/3/1946. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 20/3 Nguyễn Trường Tộ, P12, Quận X, TP. H; Trích lục khai tử số 114/TLKT-BS ngày 14/5/2018 của Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận X, Thành phố H (bút lục 35) thể hiện bà Lê Thị R (Lê Thị N), giấy chứng minh nhân dân số 020006333 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/10/2006 đã chết vào ngày 14/5/2018 tại số 20/3 Nguyễn Trường Tộ, P12, Quận X, TP. H; Bản kê chi tiết giao dịch tài khoản khách hàng của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn chi nhánh 29/10 – Phòng giao dịch Quận X (bút lục 86); Nội dung xác nhận ngày 22/10/2018 của Công an Phường 12, Quận X, Thành phố H (bút lục 85), đã cho thấy bà Lê Thị R còn có tên gọi khác là Lê Thị N, sinh năm 1946, có số chứng minh nhân dân là 020006333 và địa chỉ cư trú là số 20/3 Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận X, TP. H.

[4] Căn cứ nội dung các tài liệu là: Các Bản sao Giấy khai sinh của chị Trang Anh Đ (bút lục 36), Trang Anh X (bút lục 37) do Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H chứng thực ngày 25/01/1988, đều thể hiện họ tên cha là Trang Văn T (Trang Thanh T) và họ tên mẹ là Lê Thị R (Lê Thị N); Kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận X, Thành phố H (bút lục 84), đã cho thấy Trang Văn T (Trang Thanh T) là chồng hợp pháp của bà Lê Thị R (Lê Thị N) và chị Trang Anh Đ, Trang Anh X là con chung của ông T (Tân), bà R (N).

[5] Bà Nguyễn Thị H thừa nhận có mượn số tiền 500.000.000đ của bà Lê Thị N theo "Biên nhận mượn tiền" ngày 02/8/2017 thì phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà N (tức là bà Lê Thị R) như thỏa thuận. Do bà Lê Thị N (Lê Thị R) đã chết không để lại di chúc nên bà H có nghĩa vụ phải trả khoản nợ trên cho những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Lê Thị N (Lê Thị R) là ông T, chị Đ, chị X. Bà H, ông K cho rằng bà Lê Thị N không phải là bà Lê Thị R để không phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho các nguyên đơn và cho rằng đã trả cho bà N 400.000.000đ, chỉ còn nợ lại bà N 100.000.000đ nhưng không có tài liệu, chứng cứ hợp pháp chứng minh đã trả nợ, mà chỉ có lời trình bày miệng của ông K, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà X cho rằng ông T không phải là chồng hợp pháp của bà N nhưng không có chứng cứ nào phủ nhận các xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về quan hệ hôn nhân hợp pháp của ông T và bà N. Mặt khác, chính ông K cũng thừa nhận ông T chính là chồng của dì 5 của ông K (tức là bà N), và hình ảnh trên giấy chứng minh

nhân dân có 02 tên Lê Thị R (Lê Thị N) chính là dì 5 của ông K (tức là Lê Thị N) và cũng chính là người cho bà H vay tiền.

[6] Từ những phân tích trên cho thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp, đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, giữ nguyên án sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H

1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DSST ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ. Chuyển 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Huyện đã nộp theo biên lai số 0002683 ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An sang thi hành án phí phúc thẩm, nên bà H không phải nộp tiếp.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND TP. Tân An;
- Chi cục THADS TP. Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn Khánh